

Bản tin Kinh tế Ngành Giấy được phát hành mỗi tuần một số vào thứ 3 hàng tuần, là thông tin tổng hợp về thị trường bột giấy, giấy, đầu tư và công nghệ ngành giấy trong nước và thế giới...



HIỆP HỘI GIẤY VÀ BỘT GIẤY VIỆT NAM

HỘI NGHỊ TOÀN THỂ HỘI VIÊN
& HỘI THẢO KỸ THUẬT NGÀNH CÔNG NGHIỆP GIẤY
VIỆT NAM 2019

Ngày 05 tháng 7 năm 2019



HIỆP HỘI GIẤY VÀ BỘT GIẤY VIỆT NAM

HỘI NGHỊ CÔNG NGHIỆP GIẤY VÀ
BỘT GIẤY ASEAN LẦN THỨ 34
THE 34th CONFERENCE OF FEDERATION OF ASEAN
PULP AND PAPER INDUSTRIES (FAPPI)

31st Oct. - 2nd Nov. 2019

TRONG SỐ NÀY:

Thị trường trong nước
Thị trường giấy Trung Quốc: bao bì, in-viết...
Thị trường giấy châu Âu
Bột giấy Trung Quốc và Châu Á
Giá bột nhập khẩu tại Trung Quốc
Giá giấy in, giấy bao bì tại Đông Nam Á
Giá bột nhập khẩu tại Đông Á, Đông Nam Á
RCP nhập khẩu tại Trung Quốc
Giấy in, viết tại Trung Quốc
Giấy bao bì tại Trung Quốc
APP chuyển đổi sản xuất tại Indonesia
Andritz giới thiệu PrimeLineTEX

TRONG NƯỚC:

Nhập khẩu:

Bột giấy: (BHK, BEK, Acacia, BCTMP, Fluff Pulp, NBSK, BSK): Số lượng nhập 4.338 tấn, giảm 42,2% so tuần trước;

Giấy loại thu hồi: (OCC, ONP, OMG...): Số lượng nhập 37.687 tấn, tăng 11,7% so tuần trước;

Xuất khẩu:

Giấy in, viết: Số lượng xuất khẩu 102 tấn, giảm 45% so tuần trước;

Giấy tissue: Số lượng xuất khẩu 1.654 tấn, tăng 7,8% so tuần trước;

Giấy làm bao bì: Số lượng xuất khẩu 12.232 tấn, tăng 5,1% so tuần trước;

Giấy vàng mã: Số lượng xuất khẩu 2.673 tấn, giảm 11,5% so tuần trước.

Nhập khẩu:

Giấy in báo: Số lượng nhập khẩu 896 tấn, giảm 15,5% so tuần trước;

Giấy in viết: Số lượng nhập khẩu 3.831 tấn, giảm 9,2% so tuần trước;

Giấy in, viết có tráng: Số lượng nhập khẩu 2.983 tấn, giảm 32% so tuần trước;

Giấy tissue: Lượng nhập khẩu 964 tấn, tăng 22,3% so tuần trước;

Giấy làm bao bì không tráng: Số lượng nhập khẩu 10.853 tấn, giảm 26% so tuần trước;

Giấy làm bao bì có tráng: Số lượng nhập khẩu 13.460 tấn, giảm 18% so tuần trước;

Giấy tự nhân bản: Số lượng nhập 609 tấn, giảm 16% so tuần trước;

Giấy ván thuốc lá điều: Số lượng nhập 536 tấn, tăng 7,8% so tuần trước;

Giấy làm nền sản xuất giấy tráng nhôm&trắng bạc: Lượng nhập 658 tấn, tăng 8,9% so tuần trước;

Giấy sản xuất bát, đĩa, đế cốc bằng giấy: Lượng nhập 664 tấn, giảm 4,5% so tuần trước;

Giấy in nhiệt: Số lượng nhập 1.012 tấn, tăng 38,4% so tuần trước.

Giá giấy nội địa (VAT):

Giấy bao bì lớp sóng nội địa: Loại 100-150 g/m², dạng cuộn, giá bán 10.200.000 – 11.000.000 VND/tấn;

TIN THỊ TRƯỜNG

Giấy bao bì lớp mặt nội địa: Loại 120-150 g/m², dạng cuộn, giá bán 11.500.000 – 11.900.000 VND/tấn;

Giấy in, viết nội địa: Loại 70 g/m² ISO>90 dạng cuộn, giá dao động từ 21.300.000 – 21.800.000 VND/tấn, có VAT;

Giấy photocopy nội địa: Loại A4 thương hiệu Clever UP 70 g/m² giá bán ~50.000 VND/ram, có VAT.

Giấy tissue nội địa: Làm khăn 2 lớp, dạng cuộn, định lượng 15,5 - 17g/m², giá 28.500.000–29.500.000 VND/tấn.

Giá giấy nhập khẩu:

Giấy in báo: Dạng cuộn 45g 17.200.000 – 18.000.000 VND/tấn, tùy theo chất lượng;

Giấy in viết: Loại 70 g/m², dạng cuộn, 21.300.000 – 22.000.000 VND/tấn, tùy chất lượng, xuất xứ Đông Nam Á;

Giấy tissue: loại 13.5g/m², 02 lớp làm khăn, 27.900.000 VND/tấn, xuất xứ Indonesia;

Giấy làm bao bì ximăng: Loại 80 g/m², 17.000.000 – 17.800.000 VND/tấn;

Giấy bao bì lớp sóng: loại 105-150 g/m², 11.200.000 – 11.500.000 VND/tấn, xuất xứ Đông Nam Á;

Giấy bao bì lớp mặt: 130-150 g/m², 12.500.000 – 13.000.000 VND/tấn, xuất xứ Đông Nam Á;

Giấy in tráng phủ hai mặt (Couche): Loại 230 g/m², 21.100.000 – 21.400.000 VND/tấn;

Bìa ngà (Ivory Board): Loại 210 – 300 g/m², 20.400.000 – 21.000.000 VND/tấn, xuất xứ Đông Nam Á;

Bìa duplex có tráng một mặt: Loại 300–400g/m², 13.000.000-15.800.000 VND/tấn, xuất xứ Đông Nam Á.

Giấy sản xuất bát, đĩa, đế cốc bằng giấy: Dạng cuộn, xuất xứ Hàn Quốc, 27.500.000 – 28.000.000 VND/tấn.

Giấy làm nền sản xuất giấy tráng nhôm, 33g/m²: Dạng cuộn, loại 33g/m², 29.400.000 - 30.000.000 VND/tấn.

Nguồn (TCty Giấy VN, An Hòa, Việt Thắng, Xương Giang, Sài Gòn...).

Thị trường Trung Quốc: giấy bao bì hòm hộp giảm; giấy in-viết cao cấp, bì ngà tăng

Tháng 3.2019 đã có những diễn biến trái chiều trên thị trường giấy và bì Trung Quốc, giá hầu hết các loại giấy bao bì hòm hộp giảm, trong khi đó giấy in-viết cao cấp và bì ngà tăng. Giá giấy bao bì hòm hộp tái chế (containerboard) đã có giai đoạn tăng từ tháng 12.2018 đến 2.2019, với hầu hết các chủng loại ở mức bình quân 200-300 RMB/tấn (30-45 USD/tấn).

Nhưng động thái này đã bị đảo ngược từ cuối tháng 2.2019, khi các nhà máy vào mùa hoạt động trở lại sau kỳ nghỉ Tết và thời gian ngừng máy bảo dưỡng dài ngày. Tiếp theo nữa là mùa thấp điểm của các sản phẩm giấy tại Trung Quốc và tác động của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung nên cũng ảnh hưởng đến mức tiêu thụ.

Thị trường trì trệ, tồn kho cao nên các nhà sản xuất đã nỗ lực hạ giá bán để tăng doanh số, dẫn đầu là Nine

Dragons. Tại Đông Trung Quốc, testliner đã giảm từ 4.400-4.630 RMB/tấn xuống còn 4.100-4.420 RMB/tấn. Kraft-top-liner hiện có giá 4.450-4.700 RMB/tấn, giảm từ mức 4.750-4.950 RMB/tấn. White-top liner không thay đổi ở mức 5,450-5,770/tấn. Giấy lớp sóng giữa đã giảm từ 4.000-4.360 RMB/tấn xuống còn 3.800-4.140 RMB/tấn. Bì duplex mặt xám cao cấp và thương phẩm đều giảm 100 RMB/tấn xuống còn ở mức 4.700-5.050/tấn RMB và 4.300-4.550 RMB/tấn tương ứng. Ngay cả giá kraft-liner nhập khẩu từ Mỹ cũng giảm và hiện đang có giá 650-735 USD/tấn.

Bì ngà và giấy in-viết cao cấp tăng giá: Do việc kéo dài thời gian ngừng máy nên giá của bì ngà đã tăng trong tháng 3.2019, với mức tăng 200 RMB/tấn. Và các nhà sản xuất còn công bố mức tăng thêm 200 RMB/tấn

cho các giao hàng từ tháng 4. Bì ngà cao cấp đã tăng 100 RMB/tấn đạt 7.100-7.200 RMB/tấn. Bì ngà thương phẩm đã tăng từ 4.950-5.200 RMB/tấn lên 5.150-5.600 RMB/tấn. Trong khi đó nhằm tăng cường nỗ lực tăng giá một số nhà sản xuất hàng đầu đã ngừng hoạt động sản xuất giấy in cao cấp có trắng (CFP) hoặc chuyển đổi sang các loại khác.

Cuối tháng 3, CFP cao cấp và CFP thương phẩm vẫn ở mức 5.300-5.700 RMB/tấn và 5.100-5.350 RMB/tấn. Giấy in viết không trắng (UFP) từ bột hóa tăng 100 RMB/tấn lên 6.300-6.600 RMB/tấn. UFP từ bột hóa và bột cơ học đã tăng 100 RMB/tấn lên 5.750-6.050 RMB/tấn. UFP từ hỗn hợp bột gỗ và phi gỗ có giá 5.550-5.850 RMB/tấn, cũng tăng 100 RMB/tấn.

PPI Asia/3.2019

Thị trường châu Âu: Tiêu thụ giấy in báo tăng; giấy SC, CWF, UWF, CMR và UMP tiếp tục giảm

Tiêu thụ giấy in báo tại châu Âu tăng trong tháng 1, các loại giấy khác như: giấy in viết từ bột hóa có trắng và không trắng (CWF và UWF), giấy cán láng (SC), giấy in từ bột cơ học có trắng dạng cuộn (CMR – coated mechanical reels) và không trắng dạng cuộn (UMP – uncoated mechanical paper) tiếp tục suy giảm.

Giấy in báo: tăng 1,1% so với cùng kỳ năm trước đạt mức 543.000 tấn, các nước EU tăng 1,1% đạt 418.000 tấn, các nước ngoài EU tăng 1,2% đạt 126.000 tấn.

Giấy CWF: giảm 9,9% xuống còn 457.000 tấn, trong các nước EU giảm

7,7% xuống còn 369.000 tấn, các nước ngoài EU giảm 18,2% xuống còn 87.000 tấn.

Giấy UWF: giảm 1,4% xuống còn 600.000 tấn trong tháng 1, ở các nước EU thấp hơn 3,0% so với tháng 01.2018 đạt mức 509.000 tấn, các nước ngoài EU giảm 8,9% ở mức 91.000 tấn.

Giấy cán láng (SC): giảm 1,6% so cùng kỳ năm ngoài xuống còn 267.000 tấn trong tháng 1, trong các nước EU giảm 5,2% xuống còn 226.000 tấn, ngoài EU giảm 24,3% đạt 41.000 tấn.

Giấy CMR: giảm mạnh 8,4% so với cùng kỳ xuống còn 437.000 tấn, các nước EU ở mức 325.000 tấn, thấp hơn 8,7% so với tháng 1 năm 2018, các nước ngoài EU giảm 7,7% so với năm ngoài xuống còn 112.000 tấn.

Giấy từ bột cơ học không trắng: giảm 11,3% xuống còn 178.000 tấn trong tháng 1, các nước EU giảm 10,2% xuống còn 146.000 tấn, ra ngoài EU giảm mạnh 16,1% xuống còn 32.000 tấn.

EURO-GRAPH News/3.2019

Mancheng Jinguang khởi chạy hai dây chuyền tissue mới tại Hebei, China

Công ty Mancheng Jinguang Paper vừa cho khởi chạy hai dây chuyền tissue công suất 22.500 tấn/năm tại nhà máy duy nhất ở thành phố Baoding, Hebei.

Cả hai dây chuyền đều do Baotuo Paper Machinery Engineering cung cấp. Mỗi dây chuyền có chiều rộng khổ giấy sau cắt biên là 3,55 m, tốc độ thiết kế 1.300 m/phút.

Việc cho khởi chạy hai dây chuyền này đã làm tăng tổng công suất giấy tissue của công ty lên hơn 130.000 tấn/năm, và trở thành một trong những nhà sản xuất giấy tissue lớn tại Hebei, China.

PulPaperNews/3.2019

Thị trường bột giấy Trung Quốc và châu Á

Tại Trung Quốc các nhà cung cấp (không tính Suzano) đang nỗ lực tăng giá bộ BSK và BHK lên 30 USD/tấn tại thị trường này. Các nhà sản xuất lớn dự báo giá sẽ duy trì ổn định cho đến cuối tháng 5, nhưng ngay sau đó là mùa tiêu thụ thấp của các sản phẩm giấy thì có thể sẽ lại bị ảnh hưởng và sau tháng 5 giá bột giấy có thể sẽ lại giảm.

Mặc dù vậy nhưng bột BSK từ Châu Âu và Mỹ vẫn đổ về Trung Quốc với khối lượng lớn, và tạo áp lực lên

các nhà cung cấp đang muốn tăng giá. Tuần cuối tháng 3.2019, giá BSK miền bắc đã tăng 20 USD/tấn đạt mức 700-720 USD/tấn, Bột gỗ thông radiata đã tăng 10 USD/tấn lên 700-720 USD/tấn. Bột BSK của Nga tăng 20 USD/tấn lên 690-710 USD/tấn.

Trong khi đó giá bột BHK lại có diễn biến trái chiều, bột bạch đàn Nam Mỹ giảm 10 USD/tấn chốt giá ở mức 670-720 USD/tấn. Bột BHK của Nga đã giảm 10 USD/tấn xuống còn 660-670 USD / tấn. Nguyên nhân được cho

là ảnh hưởng của một nhà sản xuất lớn của Indonesia đã cung cấp khối lượng BHK lớn ở mức 680 USD/tấn hoặc thấp hơn.

Tại các thị trường Châu Á khác, một số nhà cung cấp đã tìm kiếm sự tăng giá của BSK và BHK cho các lô hàng giao tháng từ tháng 3.2019. Tuy nhiên, mức giá ở Đài Loan và Đông Nam Á vẫn nằm trong phạm vi giá như trong tháng Hai.

PPI Asia/3.2019

GIÁ BỘT GIẤY NHẬP KHẨU TẠI TRUNG QUỐC -- Giá tịnh, USD/tấn, CIF.								
	Giá hiện hành			Giá năm trước	Giá hiện hành so với giá			
	29/3/19	15/3/19	01/3/19	30/3/18	tuần trước	tháng trước	năm trước	
Bột kraft gỗ mềm tẩy trắng (BSK)								
NBSK (Bắc Mỹ và Bắc Âu)	700-720	680-720	680-720	870-900	+10	+10	-175	-19,8%
Thông radiata (Chile)	700-720	690-710	690-710	860-880	+10	+10	-160	-18,4%
BSK Nga	690-710	670-690	670-690	870-890	+20	+20	-180	-20,5%
Bột kraft gỗ cứng tẩy trắng (BHK)								
Bạch đàn	670-720	680-720	680-720	750-770	-5	-5	-65	-8,6%
BHK Nga	660-670	670-680	670-680	760-770	-10	-10	-100	-13,1%
Bột kraft gỗ mềm không tẩy (USK)								
Chile, Bắc Mỹ	700-710	700-710	700-710	860-880	-	-	-165	-19,0%
Nga	655-690	655-690	655-690	815-840	-	-	-155	-18,7%
BCTMP								
Gỗ cứng (độ trắng 80)	540-550	540-550	540-550	680	-	-	-135	-19,9%
Gỗ mềm (độ trắng 75)	520-540	520-530	520-530	620-630	+5	+5	-95	-15,2%

PPI Asia /3.2019

GIÁ GIẤY IN CAO CẤP VÀ GIẤY BAO BÌ TẠI ĐÔNG NAM Á -- Giá tịnh, USD/tấn, CIF			
	T3/2019	T02/2019	T3/2018
Giấy in cao cấp			
UWF (70g)	780-820	780-820	845-920
CWF (100g)	720-790	730-800	750-810
Bìa hòm hộp			
Kraft-top-liner (125g)	490-550	490-550	570-610
Testliner (125)	410-460	410-460	480-530
Giấy lớp sóng tái chế (110g)	370-435	370-435	400-460
Bìa cứng			
Bìa duplex có tráng mặt xám (350g)	450-500	460-520	515-580
Bìa duplex có tráng mặt trắng (350g)	550-600	560-620	625-680

PPI Asia/3.2019

GIÁ BỘT GIẤY NHẬP KHẨU TẠI HÀN QUỐC, NHẬT BẢN, ĐÀI LOAN - ĐÔNG NAM Á - Giá tịnh, USD/tấn, CIF,							
	Giá hiện hành			Giá năm trước	Giá hiện hành so với giá		
	T3/2019	T2/2019	T1/2019	T3/2018	Th.trước	năm trước	
Bột kraft gỗ mềm tẩy trắng (BSK)							
NBSK (Bắc Mỹ và Bắc Âu)	680-720	680-720	690-730	890-930	-	-210	-23,1%
Thông radiata (Chile)	675-720	675-715	655-695	885-925	+3	-208	-22,9%
Thông phương nam (Mỹ)	660-680	660-680	640-660	875-915	-	-225	-25,6%
Bột kraft gỗ cứng tẩy trắng (BHK)							
Bạch đàn	625-685	625-685	615-685	760-795	-	-123	-15,8%
Keo (Indonesia)	625-660	625-660	615-650	750-790	-	-128	-16,6%
Gỗ cứng hỗn hợp phương bắc	625-650	625-650	615-640	750-785	-	-130	-16,9%
Gỗ cứng hỗn hợp phương nam	625-650	625-650	615-640	750-785	-	-130	-16,9%
Bột kraft gỗ mềm không tẩy (USK)							
Chile, Bắc Mỹ	705-715	705-715	705-715	875-885	-	-170	-19,3%
BCTMP							
Gỗ dương	590-700	590-700	590-700	710-820	-	-120	-15,7%
Hỗn hợp	590-700	590-700	590-700	710-820	-	-120	-15,7%
Gỗ vân sam	590-700	590-700	590-700	710-820	-	-120	-15,7%

PPI Asia/3.2019

GIÁ GIẤY THU HỒI NHẬP KHẨU TẠI TRUNG QUỐC - Giá tịnh, USD/tấn, CIF.								
	Giá hiện hành			Giá năm trước	Giá hiện hành so với giá			
	29/3/19	22/3/19	15/3/19	30/3/18	T.trước	Th.trước	năm trước	
Nhập từ Mỹ								
Thùng sóng cũ - OCC (11)	135-145	135-145	140-150	180-190	-	-5	-45	-24,3%
OCC lựa đúp (12)	150-170	150-170	160-170	na	-	-5	na	na
DLK (13)	190-200	190-200	190-200	225-235	-	-	-35	-15,2%
Giấy vãn phòng chọn lựa (37)	250-260	250-260	250-260	300-320	-	-	-55	-17,7%
Báo cũ chọn lựa (58) - SCN	175-180	175-180	175-180	na	-	-8	na	na
Nhập từ Châu Âu								
Thùng sóng cũ - OCC (1.05)	150-160	150-160	150-160	na	-	-	na	na
Báo cũ (2.01)	160-170	160-170	160-170	na	-	-10	na	na
Nhập từ Nhật Bản								
Thùng sóng cũ	160-170	160-170	160-170	175-185	-	-	-15	-8,3%
Báo cũ	250-260	250-260	250-260	230-240	-	-	+20	+8,5%

PPI Asia/3.2019

GIÁ GIẤY IN TẠI TRUNG QUỐC -- Sản xuất trong nước, RMB/tấn, Đông TQ, gồm thuế, tại kho nhà cung cấp							
	Định lượng	Giá hiện hành		Giá năm trước	Giá hiện hành so với giá		
		T3-2019	T02-2019	T3-2018	Th. trước	năm trước	
Giấy in báo							
Loại tiêu chuẩn	45-48.8g	5700-6100	5700-6100	5700-5900	-	+100	+1,7%
Giấy tráng nhẹ (LWC)							
Loại cuộn	58-64g	6300-6400	6300-6400	7300-7400	-	-1000	-13,6%
Không tráng bột hóa (UCW)							
Cuộn (100% bột hóa)	70-100g	6300-6600	6200-6500	7700-7900	+100	-1350	-17,3%
Cuộn (hỗn hợp hóa-cơ)	70-100g	5750-6050	5650-5950	7400-7650	+100	-1625	-21,6%
Cuộn (hỗn hợp gỗ-phi gỗ)	70-100g	5550-5850	5450-5750	6900-7100	+100	-1300	-18,6%
Có tráng bột hóa (C2S)							
Cuộn (chất lượng cao)	128g, 157g	5300-5700	5300-5700	7300-7600	-	-1950	-26,2%
Cuộn (thương phẩm)	128g, 157g	5100-5350	5100-5350	7100-7300	-	-1975	-27,4%

PPI Asia/3.2019

GIÁ GIẤY BAO BÌ TẠI TRUNG QUỐC -- Sản xuất trong nước, RMB/tấn, Đông TQ, gồm thuế, nhà máy hoặc kho nhà cung cấp							
	Định lượng	Giá hiện hành		Giá năm trước	Giá hiện hành so với giá		
		T3-2019	T02-2019	T3-2018	tháng trước	năm trước	
Giấy bao gói (bột nguyên khai)							
Kraftliner	175g	650-735	670-760	760-780	-23	-	-
Giấy bao gói (bột tái chế)							
Testliner	140g	4100-4420	4400-4630	4740-4980	-255	-100	-12,3%
Kraft-top liner	170g	4450-4700	4750-4950	5050-5280	-275	-590	-11,4%
White-top liner	140g	5450-5770	5450-5770	5890-6180	-	-425	-7,0%
Giấy lớp sóng độ cứng cao	120g	3800-4140	4000-4360	4200-4600	-210	-430	-9,8%
Bìa cứng							
Bìa ngà trắng (chất lượng cao)	250g	7100-7200	7000-7200	7400-7500	+50	-300	-4,0%
Bìa ngà trắng (thương phẩm)	250g	5150-5600	4950-5200	6600-6900	+300	-1375	-20,4%
Bìa trắng duplex mặt xám (cl. cao)	250g	4600-4950	4700-5050	5200-5450	-100	-550	-10,3%
Bìa trắng duplex mặt xám (th. phẩm)	250g	4300-4550	4400-4650	4450-4950	-100	-325	-6,8%

PPI Asia/3.2019

APP chuyển đổi sản xuất giấy in-viết cao cấp sang giấy bao bì tại Indonesia

Công ty Bột giấy và Giấy châu Á (APP) đang tiến hành cải tạo 3 dây chuyền giấy với tổng công suất 850.000 tấn/năm tại các nhà máy ở Indonesia, nhằm mục đích chuyển đổi sản xuất từ giấy in viết cao cấp không trắng (UFP) sang giấy bao bì.

Dây chuyền PM14 công suất 150.000 tấn/năm tại nhà máy số 3 Karawang ở Tây Java đã hoàn tất việc chuyển đổi trong tháng 1.2019. Dây chuyền xeo này có khổ lưới rộng 6 m, có tốc độ vận hành tối đa 1.000 m/phút

trước khi chuyển đổi, đã được cải tạo chuyển sang sản xuất giấy bao bì.

Hai dây chuyền khác nữa sẽ được đại tu là PM 10 và 11 tại nhà máy Mojokerto ở Đông Java. Dây chuyền PM10 có khổ rộng lưới 6,75 m, công suất 300.000 tấn/năm, dự kiến sẽ hoàn tất vào tháng 5.2019. Dây chuyền PM11 khổ rộng lưới 8,95 m, công suất 400.000 tấn/năm sẽ được hoàn thành vào cuối năm 2019.

Hiện nay APP vẫn chưa tiết lộ chủng loại giấy bao bì mà công ty sẽ

sản xuất sau khi cải tạo và chuyển đổi mục đích sản xuất của 3 dây chuyền này.

Xuất phát từ việc thắt chặt các quy định nhập khẩu RCP của Trung Quốc, nên APP có thể tận dụng chi phí RCP thấp ở Indonesia, chuyển đổi sản xuất và sẽ mở đường xuất khẩu giấy bao bì sang Trung Quốc trong tương lai./.

RISI News/3.2019

Andritz giới thiệu máy tạo màng tissue PrimeLineTEX mới

Andritz đã chính thức giới thiệu máy tạo màng giấy tissue mới "PrimeLine TEX", sản xuất giấy tissue dập vân hoa, chất lượng sản phẩm vượt trội so với giấy được sản xuất bằng công nghệ nếp chun khô (dry crepe) và sấy khí nóng (TAD), đồng thời mức chi phí giảm rất nhiều.

Máy PrimeLine TEX có chiều rộng 5,6 hoặc 2,8m và tạo ra giấy tissue chất lượng cao sử dụng làm khăn giấy và giấy vệ sinh, có khả năng tiết kiệm tới 25% lượng bột giấy so với máy sản xuất giấy tissue bằng phương pháp nếp chun khô và tiêu thụ năng lượng ít hơn tới 50% so với máy thổi khí nóng (TAD).

PrimeLine TEX có chiều dài ngắn hơn so với các dòng máy thương mại khác và chỉ sử dụng một chần lưới thay vì hai chần lưới. Hơn nữa, máy PrimeLine TEX có thể chuyển đổi sang sản xuất giấy tissue nếp chun trong thời gian ngắn

hơn nhiều so với các giải pháp tương đương.

ANDRITZ có thể cung cấp dây chuyền sản xuất tissue dập vân hoàn chỉnh, bao gồm bộ phận chuẩn bị bột, máy bơm và hệ thống tự động hóa. Máy giấy PrimeLine TEX mới cho phép sản xuất tissue chất lượng cao tương đương với máy TAD nhưng với chi phí đầu tư và vận hành thấp hơn nhiều.

PaperAge/3.2019

VPPA News

Tuần tin về thị trường bột giấy, giấy và thông tin đầu tư, công nghệ trong nước và thế giới của Hiệp hội Giấy và Bột giấy Việt Nam.

Ban Biên tập

Nguyễn Việt Đức, VPPA; Hoàng Trung Sơn, VPPA; Đặng Văn Sơn, VPPA; Vũ Thị Hồng Mận, VPPA; Cao Đức Bằng, VINAPACO; Lê Huy Dư, VPPA.